

NGHỊ QUYẾT
Về biên chế công chức và quyết định biên chế sự nghiệp
tỉnh Đồng Nai năm 2012

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19/6/2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 89/2003/TT-BNV ngày 24/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Sau khi xem xét Tờ trình số 8010/TTr-UBND ngày 14/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch biên chế công chức, biên chế sự nghiệp tỉnh Đồng Nai năm 2012; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và tổng hợp ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua tổng biên chế công chức và quyết định tổng biên chế sự nghiệp tỉnh Đồng Nai năm 2012 như sau:

1. Chỉ tiêu biên chế năm 2012: 44.871 chỉ tiêu.

Trong đó:

a) Biên chế công chức 3.765 chỉ tiêu.

b) Biên chế sự nghiệp: 41.106 chỉ tiêu.

Bao gồm:

- Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 30.582 chỉ tiêu.

- Sự nghiệp Y tế: 8.363 chỉ tiêu.

- Sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 612 chỉ tiêu.

- Sự nghiệp khác: 1.215 chỉ tiêu.

- Hội có tính chất đặc thù: 334 chỉ tiêu.

2. Chỉ tiêu hợp đồng lao động năm 2012:

4.153 chỉ tiêu.

Trong đó:

a) Khối Quản lý nhà nước

285 chỉ tiêu.

b) Khối sự nghiệp:

3.868 chỉ tiêu.

Bao gồm:

- Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo:

3.284 chỉ tiêu.

- Sự nghiệp Y tế:

317 chỉ tiêu.

- Sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

131 chỉ tiêu.

- Sự nghiệp khác:

124 chỉ tiêu.

- Hội có tính chất đặc thù:

12 chỉ tiêu.

3. Biên chế dự phòng: Nhất trí với đề nghị của UBND tỉnh về chỉ tiêu biên chế dự phòng năm 2012 là 600 biên chế để kịp thời bổ sung cho các đơn vị sự nghiệp thành lập hoặc phát sinh nhiệm vụ trong năm 2012.

Điều 2. Giao UBND tỉnh căn cứ biên chế công chức của Bộ Nội vụ giao năm 2012 báo cáo Thường trực HĐND tỉnh quyết định giao chỉ tiêu biên chế công chức cho các cơ quan, tổ chức hành chính và giao biên chế sự nghiệp cho các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh chậm nhất trong quý I năm 2012 và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất. Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các cơ quan, đơn vị được giao biên chế.

Điều 3. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh tổ chức giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo luật định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII - kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2011.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo ĐN, Lao động ĐN, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, CV.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Tư

Số: 8010 /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 11 năm 2011

TỜ TRÌNH

**Về kế hoạch biên chế công chức,
biên chế sự nghiệp tỉnh Đồng Nai năm 2012**

Căn cứ Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19/6/2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 112/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý đối với đơn vị sự nghiệp của nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 89/2003/TT-BNV ngày 24/12/2003 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 07/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2011 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ các văn bản hiện hành về định mức biên chế, chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực hiện biên chế của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp và khả năng ngân sách của địa phương;

UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh, khóa VIII, kỳ họp thứ 3 tình hình sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp năm 2011 và trình HĐND tỉnh phê chuẩn tổng biên chế công chức và biên chế sự nghiệp năm 2012 như sau:

I. Tình hình sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp năm 2011

1. Biên chế công chức

Ngày 27/7/2010, tại kỳ họp thứ 19 HĐND tỉnh khóa VII đã thông qua Nghị quyết số 170/NQ-HĐND, theo đó thông qua chỉ tiêu biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng lao động năm 2011 là 3.750 chỉ tiêu (gồm 3.475 biên chế và 275 hợp đồng), tăng 34 chỉ tiêu (tăng 44 chỉ tiêu, giảm 10 chỉ tiêu) so với biên chế tỉnh đã giao năm 2010 và vượt so với biên chế Bộ Nội vụ giao cho tỉnh năm 2010 là 215 biên chế. Đồng thời HĐND tỉnh giao UBND tỉnh căn cứ chỉ tiêu biên chế công chức của Bộ Nội vụ giao năm 2011 trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định giao chỉ tiêu biên chế công chức cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

Tuy nhiên, ngày 28/02/2011, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 319/QĐ-BNV về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Đồng Nai năm 2011 là 3.360 chỉ tiêu, trong đó chỉ tăng 100 biên chế so với biên chế Bộ Nội vụ giao năm 2010 (chủ yếu là bổ sung cho một số cơ

quan mới thành lập như phòng Dân tộc cấp huyện, Đội Thanh tra xây dựng và những nội dung cũ mà tỉnh đã sử dụng vượt so với Bộ Nội vụ giao), số biên chế này không đáp ứng đủ so với nhu cầu của tỉnh.

Do Bộ Nội vụ giao biên chế công chức không đủ theo số HĐND tỉnh thông qua nên UBND tỉnh đã báo cáo và trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định giao chỉ tiêu biên chế công chức và hợp đồng lao động năm 2011 như năm 2010, ngoài ra chỉ bổ sung thêm cho một số tổ chức mới thành lập theo nội dung mới mà Bộ Nội vụ đã bổ sung như Phòng Dân tộc cấp huyện, Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

Tổng số biên chế giao đầu năm 2011 là 3.748 chỉ tiêu (gồm 3.470 biên chế và 278 hợp đồng), tăng 17 chỉ tiêu (09 biên chế và 08 hợp đồng) so với biên chế tỉnh giao năm 2010 (Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 05/5/2011 của UBND tỉnh). Cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh: 1.899 chỉ tiêu (1.751 biên chế và 148 hợp đồng);
- Cấp huyện: 1.849 chỉ tiêu (1.719 biên chế và 130 hợp đồng).

Trong đó chênh lệch so với Bộ Nội vụ giao là 110 biên chế.

Để có đủ biên chế giao cho các cơ quan, tổ chức hành chính trong tỉnh, đồng thời để có biên chế kịp thời giao cho các cơ quan mới thành lập hoặc tăng chức năng, nhiệm vụ, UBND tỉnh đã tiếp tục đề nghị Bộ Nội vụ bổ sung biên chế cho tỉnh; ngày 24/6/2011 Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 1285/QĐ-BNV bổ sung 27 biên chế và ngày 25/7/2011 Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 1490/QĐ-BNV giao bổ sung 107 biên chế công chức; căn cứ các Quyết định trên, UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh quyết định giao bổ sung biên chế công chức cho các cơ quan, tổ chức hành chính trong tỉnh như Phòng Công tác Thanh niên, Chi cục Văn thư - Lưu trữ thuộc Sở Nội vụ, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, các Ban HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, Phòng Nội vụ cấp huyện thực hiện nhiệm vụ về công tác thanh niên, Văn phòng HĐND và UBND huyện thực hiện công tác tiếp công dân...

Hiện nay, UBND tỉnh đã giao biên chế cho các cơ quan, tổ chức hành chính trong tỉnh với tổng số biên chế là 3.821 chỉ tiêu (3.540 biên chế và 281 hợp đồng), vượt so với Bộ Nội vụ giao năm 2011 là 46 biên chế. Cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh: 1.927 chỉ tiêu (1.776 biên chế và 151 hợp đồng);
- Cấp huyện: 1.894 chỉ tiêu (1.764 biên chế và 130 hợp đồng).

2. Biên chế sự nghiệp

Ngày 27/7/2010, tại kỳ họp thứ 19 HĐND tỉnh khóa VII đã thông qua biên chế chỉ tiêu biên chế sự nghiệp và hợp đồng lao động năm 2011 với tổng số: 43.721 chỉ tiêu (40.132 biên chế và 3.589 hợp đồng), cụ thể như sau:

- Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 33.469 chỉ tiêu (30.412 biên chế và 3.057 hợp đồng);

- Sự nghiệp Y tế: 8.192 chỉ tiêu (7.909 biên chế và 283 hợp đồng);
- Sự nghiệp Văn hóa - Thể thao và Du lịch: 736 chỉ tiêu (603 biên chế và 133 hợp đồng);

- Sự nghiệp khác: 1.324 chỉ tiêu (1.208 biên chế và 116 hợp đồng).

Đồng thời, HĐND tỉnh cho phép dự phòng 1% tổng số biên chế sự nghiệp là 430 chỉ tiêu để có biên chế kịp thời bổ sung cho các đơn vị thành lập hoặc phát sinh nhiệm vụ trong năm 2011.

Thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh và căn cứ tình hình thực tế tại các đơn vị vào thời điểm đầu năm 2011 (đặc biệt là tình hình trường, lớp, học sinh thực tế của ngành giáo dục và đào tạo năm học 2011-2012), ngày 12/01/2011, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 93/QĐ-UBND về việc giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp và chỉ tiêu hợp đồng lao động năm 2011 cho các cơ quan, đơn vị với tổng biên chế là 43.646 chỉ tiêu (gồm 40.088 biên chế và 3.558 hợp đồng), giảm 75 chỉ tiêu (gồm 44 biên chế và 31 hợp đồng) so với kế hoạch được HĐND tỉnh thông qua.

Hiện nay, một số cơ quan mới thành lập như Cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Sở Giao thông vận tải, Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và môi trường... UBND tỉnh đã bổ sung biên chế đối với các đơn vị để đảm bảo cho các đơn vị mới thực hiện nhiệm vụ được giao.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay, UBND tỉnh đã giao cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh là 43.684 chỉ tiêu (gồm 40.112 biên chế và 3.572 hợp đồng), giảm 37 chỉ tiêu (20 biên chế và 17 hợp đồng) so với kế hoạch được HĐND tỉnh thông qua (chưa sử dụng biên chế dự phòng). Cụ thể như sau:

- Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 33.406 chỉ tiêu (30.374 biên chế và 3.032 hợp đồng);

- Sự nghiệp Y tế: 8.194 chỉ tiêu (7.909 biên chế và 285 hợp đồng);

- Sự nghiệp Văn hóa - Thể thao và Du lịch: 740 chỉ tiêu (605 biên chế và 135 hợp đồng);

- Sự nghiệp khác: 1.344 chỉ tiêu (1.224 biên chế và 120 hợp đồng).

II. Kế hoạch biên chế năm 2012

1. Biên chế công chức

Theo quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức thì hàng năm UBND tỉnh lập kế hoạch biên chế công chức gửi Bộ Nội vụ, Bộ Nội vụ thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và quyết định giao cho địa phương, HĐND tỉnh căn cứ biên chế công chức của Bộ Nội vụ giao quyết định biên chế công chức cho các đơn vị trong tỉnh.

Thực hiện quy trình trên, UBND tỉnh đã có Văn bản số 5375/UBND-VX ngày 08/8/2011 báo cáo Bộ Nội vụ kế hoạch biên chế công chức năm 2012 trong các cơ quan, tổ chức hành chính trong tỉnh.

Theo quy định thì nguyên tắc lập kế hoạch biên chế công chức dựa trên chức năng, nhiệm vụ được tăng thêm theo quy định của pháp luật. Nên kế hoạch biên chế năm 2012, UBND tỉnh chỉ xem xét những nội dung mới có cơ sở pháp lý và những nội dung đã đề nghị năm 2011 nhưng chưa được Bộ Nội vụ bổ sung, với số biên chế như sau:

Tổng số biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính: 4.050 chỉ tiêu (3.765 biên chế và 285 hợp đồng); tăng 229 chỉ tiêu so với năm 2011 (gồm 225 biên chế và 04 hợp đồng). Cụ thể như sau:

1.1. Cấp tỉnh: Tăng 178 chỉ tiêu (gồm 176 biên chế và 02 hợp đồng), cụ thể như sau:

- Tăng 42 biên chế tại các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế do thành lập Phòng Pháp chế theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.

- Tăng 18 biên chế do sắp xếp tổ chức bộ máy như tách phòng Nội chính và tiếp công dân thành phòng Nội chính và phòng Tiếp công dân thuộc Văn phòng UBND tỉnh theo Thông tư liên tịch số 02/2011/TTLT-VPCP-BNV ngày 28/01/2011 của Văn phòng Chính phủ và Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 14/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới tiếp công dân; thành lập phòng Quản lý chăn nuôi thú y tại Chi cục Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Thông tư liên tịch số 37/2011/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 23/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thành lập Văn phòng Điều phối chương trình nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 thuộc Chi cục Phát triển nông thôn theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020; tăng cường biên chế phòng Kiểm soát thủ tục hành chính theo Văn bản số 1064/TTg-TCCV ngày 23/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về kiểm soát thủ tục hành chính.

- Tăng 93 biên chế nhằm tăng cường công tác thanh tra tại Thanh tra tỉnh do tăng nhiệm vụ Thanh tra công vụ theo Luật Cán bộ, công chức và tăng khối lượng đơn thư khiếu nại, tố cáo; tại Thanh tra giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải do kiện toàn tổ chức bộ máy theo Đề án tăng cường biên chế, trang thiết bị lực lượng Thanh tra giao thông vận tải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 259/QĐ-TTg ngày 04/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ; tại Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương do kiện toàn tổ chức bộ máy tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường.

- Tăng 04 biên chế do tăng cường Lãnh đạo ở Thanh tra tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ theo quy định.

- Tăng 19 biên chế do tăng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật ở một số cơ quan gồm Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Ban Dân tộc, Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

- Tăng 02 hợp đồng lao động do bố trí lái xe tại Sở Giáo dục và Đào tạo và bảo vệ tại Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

1.2. Cấp huyện: Tăng 51 chỉ tiêu (49 biên chế và 02 hợp đồng) với các lý do sau:

- Tăng 05 chỉ tiêu do bổ sung cho các phòng Kinh tế, Quản lý đô thị, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra thành phố Biên Hòa do chuyển 04 xã Phước Tân, Tam Phước, An Hòa, Long Hưng từ huyện Long Thành về thành phố Biên Hòa.

- Tăng 11 biên chế cho Phòng Tư pháp cấp huyện (mỗi huyện 01 biên chế) thực hiện nhiệm vụ thống kê theo Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 05/4/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành hướng dẫn một số nội dung về công tác thống kê của ngành Tư pháp.

- Tăng 11 biên chế cho Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện (mỗi huyện 01 biên chế) để thực hiện nhiệm vụ quản lý giá cả thị trường, tài sản công theo Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 30/12/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo giá trị thị trường hàng hóa, dịch vụ trong nước, giá hàng hóa nhập khẩu.

- Tăng 11 biên chế cho Thanh tra cấp huyện (mỗi huyện 01 biên chế) để thực hiện nhiệm vụ Thanh tra công vụ theo Luật Cán bộ, công chức năm 2010.

- Tăng 11 biên chế cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các huyện Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu và Phòng Kinh tế đối với các huyện Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (mỗi huyện 01 biên chế) để thực hiện nhiệm vụ theo đổi chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và Kế hoạch số 97KH-TU ngày 29/12/2008 của Tỉnh ủy Đồng Nai về thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn”.

- Tăng 02 chỉ tiêu hợp đồng lao động do bố trí bảo vệ tại Phòng Văn hóa Thông tin huyện Long Thành và Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Nhơn Trạch do xây dựng trụ sở riêng.

Theo quy trình thì HĐND tỉnh quyết định phân bổ biên chế công chức cho các cơ quan, tổ chức hành chính trong số biên chế của Bộ Nội vụ giao. Tuy nhiên, đến nay, Bộ Nội vụ chưa giao biên chế công chức năm 2012 cho tỉnh. Vì vậy, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh và kính đề nghị HĐND tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 3 phê duyệt số biên chế công chức trên và giao UBND tỉnh sau khi có Quyết định giao biên chế công chức năm 2012 của Bộ Nội vụ, có trách nhiệm báo cáo và xin ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh để giao biên chế công chức cho các cơ quan, tổ chức hành chính trong tỉnh.

2. Biên chế sự nghiệp

Tổng số biên chế sự nghiệp năm 2012: 44.974 chỉ tiêu (41.106 biên chế và 3.868 hợp đồng), tăng 1.290 chỉ tiêu (994 biên chế và 296 hợp đồng) so với năm 2011. Cụ thể như sau:

2.1. Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo

Biên chế sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Thông tư số 59/2008/TT-BGDĐT ngày 31/10/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về định mức biên chế sự nghiệp giáo dục ở các trường chuyên biệt công lập.

Kế hoạch biên chế năm 2012 đối với sự nghiệp Giáo dục và đào tạo được xây dựng trên cơ sở định mức quy định và áp dụng theo số trường, lớp, học sinh năm học 2011-2012. Tổng số biên chế năm 2012 là 33.866 chỉ tiêu (30.528 biên chế và 3.284 hợp đồng), tăng so với năm 2011 là 460 chỉ tiêu (208 biên chế và 252 hợp đồng) do tăng định mức theo quy mô trường, lớp. Cụ thể như sau:

a) Khối trường thuộc UBND tỉnh: tăng 30 chỉ tiêu (21 biên chế và 09 hợp đồng) chủ yếu là tăng cho Trường Đại học Đồng Nai theo chỉ tiêu đào tạo.

b) Khối trường thuộc các Sở, ban, ngành: tăng 05 biên chế tại Trường Trung học Kinh tế thuộc Sở Tài chính do thành lập Phòng Công tác học sinh và Trường Dạy nghề 26/3 do tăng theo chỉ tiêu đào tạo.

c) Khối các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: giảm 35 chỉ tiêu (giảm 38 biên chế và tăng 03 hợp đồng) do các trường thực hiện giảm lớp, giảm học sinh để đảm bảo các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia.

d) Khối các trường trực thuộc UBND cấp huyện: kế hoạch năm 2012 tăng 460 chỉ tiêu (220 biên chế và 240 hợp đồng) so với năm 2011 do tăng theo số lượng trường lớp. Năm học 2011-2012 tăng 02 trường gồm: thành lập trường tiểu học Tập Phước thuộc xã Long Phước huyện Long Thành; trường Mầm non Hoa Phượng huyện Định Quán, tăng 43 lớp và 1.386 học sinh; chủ yếu là ngành học mầm non, cụ thể là tăng 01 trường, 37 lớp và 870 học sinh.

2.2. Sự nghiệp Y tế

Theo quy định, biên chế sự nghiệp Y tế được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước.

Kế hoạch biên chế năm 2012 đối với sự nghiệp Y tế được xây dựng trên cơ sở định mức quy định và áp dụng theo dân số và theo chỉ tiêu giường bệnh đã được giao năm 2011 với tổng số biên chế là 8.680 chỉ tiêu (8.363 biên chế và 317 hợp đồng), tăng so với năm 2011 là 486 chỉ tiêu (454 biên chế và 32 hợp đồng), cụ thể như sau:

a) Khối bệnh viện: tăng 449 chỉ tiêu (426 biên chế và 23 hợp đồng) do tăng 420 giường bệnh.

b) Khối y tế dự phòng: tăng 42 chỉ tiêu (33 biên chế và 09 hợp đồng) theo quy mô dân số và tính đủ theo định mức quy định.

c) Khối Trạm Y tế xã (các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế cấp huyện): giảm 05 biên chế do thành lập cơ sở II của Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất nên Trạm y tế xã Thạnh Phú giảm định mức theo quy định.

2.3. Sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Kế hoạch biên chế năm 2012 là 743 chỉ tiêu (612 biên chế và 131 hợp đồng), tăng so với năm 2011 là 03 chỉ tiêu (tăng 07 biên chế và giảm 04 hợp đồng). Cụ thể như sau:

a) Cấp tỉnh: tăng 03 chỉ tiêu (tăng 04 biên chế và giảm 01 hợp đồng) do bổ sung cho Đoàn Ca múa để đảm bảo đủ số lượng thực hiện các chương trình nghệ thuật và giảm 01 hợp đồng do chuyển Mộ Nguyễn Đức Ứng về Ban Quản lý di tích huyện Long Thành quản lý.

b) Cấp huyện: giữ nguyên như năm 2011 (tăng 03 biên chế và giảm 03 hợp đồng).

- Tăng 03 biên chế (do tăng 09 biên chế và giảm 06 biên chế): tăng 09 biên chế để bổ sung phóng viên cho Đài truyền thanh các huyện Tân Phú, Nhơn Trạch, bổ sung cán bộ phụ trách phòng Internet Thư viện các huyện Tân Phú, Vĩnh Cửu, thành lập Ban Quản lý di tích danh thắng huyện Long Thành, đồng thời giảm 06 biên chế do chuyển giao Trung tâm Văn miếu Trấn Biên về Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm quản lý.

- Giảm 03 hợp đồng (do tăng 05 hợp đồng và giảm 08 hợp đồng): tăng 05 hợp đồng để bổ sung bảo vệ cho Trung tâm Văn hóa - Thông tin huyện Xuân Lộc, Ban Quản lý di tích danh thắng huyện Long Thành, Thư viện huyện Vĩnh Cửu, Đài Truyền thanh và Trung tâm Văn hóa Thông tin huyện Cẩm Mỹ do xây dựng trụ sở riêng; đồng thời giảm 08 chỉ tiêu do chuyển giao Trung tâm văn miếu Trấn Biên về Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm quản lý.

2.4. Sự nghiệp khác

Kế hoạch biên chế năm 2012 là 1.339 chỉ tiêu (1.215 biên chế và 124 hợp đồng), giảm so với năm 2011 là 05 chỉ tiêu (giảm 09 biên chế và tăng 04 hợp đồng). Trong đó:

a) Cấp tỉnh: tăng 02 chỉ tiêu (giảm 03 biên chế và tăng 05 hợp đồng)

- Giảm 03 biên chế do (tăng 09 biên chế và giảm 12 biên chế) do bổ sung cho Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông làm nhiệm vụ quản lý và vận hành cổng thông tin điện tử nhận chuyển giao từ Sở Khoa học và Công nghệ, bổ sung cho Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (mới thành lập) làm nhiệm vụ theo dõi dữ liệu quan trắc và tài nguyên nước, bổ sung cho Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn làm nhiệm vụ quản lý và khai thác các công trình nước sạch nông thôn; đồng thời giảm 12 biên chế đối với Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Dịch vụ đối ngoại thuộc Sở Ngoại vụ do đơn vị dần dần chuyển sang tự trang trải kinh phí hoạt động.

- Tăng 05 hợp đồng do bổ sung 01 hợp đồng cho Trung tâm Lâm nghiệp Biên Hòa thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để bảo vệ Nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Đoàn đặc công 113 và 04 hợp đồng tại Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tại huyện Cẩm Mỹ.

b) Cấp huyện: Giảm 07 chỉ tiêu (06 biên chế và 01 hợp đồng)

- Giảm 06 biên chế (do tăng 03 biên chế và giảm 09 biên chế): tăng 03 biên chế Ban Quản lý nghĩa trang liệt sỹ huyện Long Thành (mới thành lập) và Kho Lưu trữ huyện Trảng Bom thực hiện công tác lưu trữ lịch sử cho huyện; đồng thời giảm 09 biên chế ở các đơn vị như Tổ Quản lý trật tự xây dựng huyện Xuân lộc, Nhơn Trạch do đã thành lập Đội Thanh tra xây dựng và Trung tâm đầu tư phát triển cụm công nghiệp huyện Nhơn Trạch chuyển sang tự trang trải kinh phí.

- Giảm 01 hợp đồng tại Ban Quản lý nghĩa trang liệt sỹ huyện Long Thành do sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo đề án thành lập.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2.5. Biên chế Hội (đối với Hội có tính chất đặc thù)

Thực hiện Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 02/7/2010 của HĐND tỉnh về kế hoạch biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp tỉnh Đồng Nai năm 2011; ngày 22/4/2011, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 1070/QĐ-UBND về việc hỗ trợ kinh phí hoạt động năm 2011 đối với các tổ chức Hội trước đây đã được nhà nước giao biên chế với tổng số là 82 chỉ tiêu, bao gồm: Hội Nhà báo 03, Hội Văn học nghệ thuật 03, Hội Luật gia 02, Liên Hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật 03, Hội Người mù 04, Hội chữ thập đỏ 50 (trong đó: cấp tỉnh 12, cấp huyện 38), Liên minh Hợp tác xã 17 và Ban Đại diện Hội Người Cao tuổi cấp tỉnh, huyện tiếp tục đảm bảo kinh phí hoạt động theo Quyết định số 2108/QĐ.CT.UBT ngày 03/6/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù; ngày 28/9/2011, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2464/QĐ-UBND công nhận Hội có tính

chất đặc thù trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định 13 hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh và 66 hội có tính chất đặc thù cấp huyện. Trên cơ sở quy định của pháp luật và kinh phí của các hội đã được cấp trước đây, đồng thời căn cứ tình hình thực tế tại các tổ chức hội, UBND tỉnh đề xuất HĐND tỉnh giao biên chế đối với các hội đặc thù như sau:

Tổng số: 346 chỉ tiêu (334 biên chế và 12 hợp đồng), cụ thể:

a) Cấp tỉnh: 104 chỉ tiêu (92 biên chế và 12 hợp đồng)

- Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật: 10 chỉ tiêu (09 biên chế và 01 hợp đồng);

- Hội Sinh viên: 01 biên chế (do Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội kiêm nhiệm);

- Hội Nhà báo: 05 chỉ tiêu (04 biên chế và 01 hợp đồng);

- Hội Văn học nghệ thuật: 11 chỉ tiêu (10 biên chế và 01 hợp đồng);

- Hội Luật gia: 04 biên chế;

- Liên minh Hợp tác xã: 19 chỉ tiêu (14 biên chế và 05 hợp đồng);

- Hội Người mù: 07 chỉ tiêu (06 biên chế và 01 hợp đồng);

- Hội Chữ thập đỏ: 15 chỉ tiêu (14 biên chế và 01 hợp đồng);

- Ban Liên lạc tù chính trị: 05 biên chế;

- Hội Khuyến học: 09 chỉ tiêu (08 biên chế và 01 hợp đồng);

- Hội Cựu thanh niên xung phong: 05 biên chế;

- Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin: 07 chỉ tiêu (06 biên chế và 01 hợp đồng);

- Ban Đại diện Hội Người cao tuổi: 06 biên chế.

b) Cấp huyện: 242 biên chế

- Hội Chữ thập đỏ: 05 biên chế/ 1 hội x 11 hội = 55 biên chế;

- Hội Khuyến học: 04 biên chế/ 1 hội x 11 hội = 44 biên chế;

- Hội Người mù: 04 biên chế/ 1 hội x 11 hội = 44 biên chế;

- Ban Liên lạc tù chính trị: 03 biên chế/ 1 hội x 11 hội = 33 biên chế;

- Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin: 03 biên chế/ 1 hội x 11 hội = 33 biên chế;

- Ban Đại diện Hội Người cao tuổi: 03 biên chế/ 1 hội x 11 hội = 33 biên chế.

III. Biên chế dự phòng

Để có biên chế kịp thời bổ sung cho các đơn vị sự nghiệp thành lập hoặc phát sinh nhiệm vụ trong năm 2012 nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị hoạt động, UBND tỉnh đề xuất HĐND tỉnh cho phép dự phòng 600 chỉ tiêu, trong đó bố trí nhàn rỗi cho các tổ chức sau:

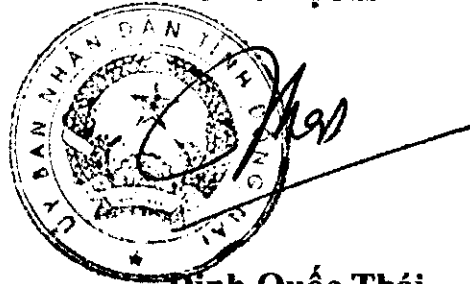
- Ngành giáo dục và đào tạo (năm học 2012 – 2013): 380 chỉ tiêu;
- Ngành Y tế: 04 chỉ tiêu;
- Trung tâm Dạy nghề cấp huyện (thực hiện Thông tư số 29/2010/TT-BLĐTBXH): 10 chỉ tiêu x 9 huyện = 90 chỉ tiêu;
- Phòng Nội vụ Cẩm Mỹ (xây dựng trụ sở riêng): 02 chỉ tiêu;
- Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: 03 chỉ tiêu;
- Ngoài ra, dự phòng cho các đơn vị thành lập mới hoặc phát sinh nhiệm vụ trong năm 2012 là 121 chỉ tiêu.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, phê chuẩn tổng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp tỉnh Đồng Nai năm 2012./.

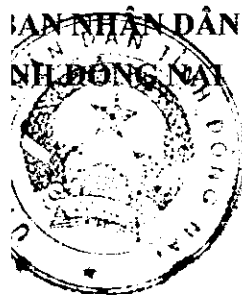
Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó VP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Quốc Thái



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ NĂM 2011 VÀ KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ 2012

(Kèm theo Tờ trình số 8010 /TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Loại hình	Kế hoạch biên chế năm 2011 được HĐND tỉnh thông qua			Biên chế dự phòng năm 2011	Biên chế giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Biên chế chưa thực hiện			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với năm 2011		
	Tổng cộng	Biên chế	Hợp đồng		Tổng cộng	Biên chế	Hợp đồng	Tổng cộng	Biên chế	Hợp đồng	Tổng cộng	Biên chế	Hợp đồng	Tổng cộng	Biên chế	Hợp đồng	Tổng cộng	Biên chế	Hợp đồng
Ngân sách	47.471	43.607	3.864	0	47.505	43.652	3.853	45.211	41.564	3.647	2.294	2.088	206	49.024	44.871	4.153	1.519	1.219	300
Chi phí	3.750	3.475	275		3.821	3.540	281	3.617	3.355	262	204	185	19	4.050	3.765	285	229	225	4
Chi phí:	43.721	40.132	3.589	0	43.684	40.112	3.572	41.594	38.209	3.385	2.090	1.903	187	44.974	41.106	3.868	1.290	994	296
Chi phí	33.469	30.412	3.057		33.406	30.374	3.032	32.350	29.402	2.948	1056	972	84	33.866	30.582	3.284	460	208	252
	8.192	7.909	283		8.194	7.909	285	7.333	7.140	193	861	769	92	8.680	8.363	317	486	454	32
Chi phí, chi phí và	736	603	133		740	605	135	677	548	129	63	57	6	743	612	131	3	7	-4
	1.324	1.208	116		1.344	1.224	120	1.234	1.119	115	110	105	5	1.339	1.215	124	-5	-9	4
Chi phí														346	334	12	346	334	12

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2011
VÀ KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2012**

(Kèm theo Tờ trình số 8010 /TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Tên đơn vị trực thuộc	Biên chế giao năm 2011			Có mặt đến 30/9/2011			Kế hoạch biên chế năm 2012			Tăng, giảm giữa so với năm 2011			Vi trí việc làm tăng hoặc giảm (nếu có)
	Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
ÔNG CỘNG	3.821	3.540	281	3.617	3.355	262	4.050	3.765	285	229	225	4	
ẤP TỈNH	1.927	1.776	151	1.822	1.686	136	2.105	1.952	153	178	176	2	
T HĐND & các ban ĐND tỉnh	11	11		10	10		11	11		0	0	0	
P. Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	38	32	6	32	26	6	38	32	6	0	0	0	
Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	6	6		6	6		6	6		0	0	0	
P. UBND tỉnh	96	71	25	93	67	26	102	77	25	6	6	0	Tăng 05 do tách phòng Nội chính và tiếp công dân thành Phòng Nội chính và phòng Tiếp công dân: 1 Trưởng phòng, 1 Phó Trưởng phòng, 3 chuyên viên: 2 khiếu nại tố cáo, 1 tư pháp theo Thông tư liên tịch số 02/2011/TTLT-VPCP-BNV và Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 14/6/2011; Tăng 01 chuyên viên nhập các thủ tục hành chính và văn bản quy định về thủ tục hành chính theo Công văn số 1064/TTg-TCCV ngày 23/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai ND số 63/2010/NĐ-CP phòng Kiểm soát thủ tục hành chính

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Biên chế giao năm 2011			Có mặt đến 30/9/2011			Kế hoạch biên chế năm 2012			Tăng, giảm giữa so với năm 2011			Vị trí việc làm tăng hoặc giảm (nếu có)
		Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
5	Văn phòng Ban Chỉ đạo tỉnh Đồng Nai về phòng chống tham nhũng	11	10	1	10	9	1	11	10	1	0	0	0	
6	Sở Thông tin và truyền thông	40	34	6	40	34	6	46	40	6	6	6	0	Bổ sung 01 Phó Giám đốc, 01 Chuyên viên quản lý tin đối ngoại theo QĐ số 79/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ và 01 Chuyên viên quản lý công nghệ thông tin; 03 thành lập Pháp chế
7	Sở Nội vụ	105	96	9	91	84	7	111	102	9	6	6	0	
	Sở Nội vụ	47	45	2	42	40	2	50	48	2	3	3	0	Thành lập Phòng Pháp chế
	Ban Thi đua khen thưởng	20	18	2	17	15	2	20	18	2	0	0	0	
	Ban Tôn giáo	24	21	3	24	21	3	27	24	3	3	3	0	Bổ sung 02 Lãnh đạo theo Thông tư số 04/2010/TT của Bộ Nội vụ; 01 Chuyên viên phụ trách xây dựng Kitô giáo
	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	14	12	2	8	8	0	14	12	2	0	0	0	
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	76	73	3	76	73	3	79	76	3	3	3	0	Thành lập Phòng Pháp chế
9	Sở Khoa học và Công nghệ	56	52	4	56	56	0	59	55	4	3	3	0	
	Sở Khoa học và công nghệ	46	42	4	48	48	0	49	45	4	3	3	0	Thành lập Phòng Pháp chế
	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	10	10	0	8	8	0	10	10	0	0	0	0	

Tên đơn vị trực thuộc	Biên chế giao năm 2011			Có mặt đến 30/9/2011			Kế hoạch biên chế năm 2012			Tăng, giảm giữa so với năm 2011			Vị trí việc làm tăng hoặc giảm (nếu có)
	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
Thanh tra tỉnh	43	38	5	43	39	4	53	48	5	10	10	0	01 Phó Chánh Thanh tra, 05 Thanh tra công vụ theo Luật Cán bộ, công chức, 04 Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo do số lượng đơn tăng
Phòng Công thương	205	198	7	201	195	6	228	221	7	23	23	0	
Phòng Công thương	64	60	4	63	59	4	67	63	4	3	3	0	Thành lập Phòng Pháp chế
Chi cục Quản lý thị trường	141	138	3	138	136	2	161	158	3	20	20	0	Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường
Phòng Tài nguyên và môi trường	118	117	1	113	112	1	124	123	1	6	6	0	
Phòng Tài nguyên và môi trường	75	74	1	71	70	1	77	76	1	2	2	0	Tăng 03 do thành lập Phòng Pháp chế và giảm 01 do chuyển sang Chi cục quản lý đất đai làm nhiệm vụ định giá đất
Chi cục Quản lý đất đai	19	19	0	18	18	0	22	22	0	3	3	0	Tăng 2 Phòng Đo đạc bản đồ thực hiện nhiệm vụ thẩm định, bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP. Đồng thời nhận thêm 1 định giá đất từ p. Quy hoạch Sở
Chi cục Bảo vệ môi trường	24	24	0	24	24	0	25	25	0	1	1	0	1 theo dõi môi trường trong các khu công nghiệp (chuyển biên chế từ Ban Quản lý các KCN)
Phòng Tư pháp	44	41	3	39	36	3	44	41	3	0	0	0	
Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	307	285	22	294	271	23	322	300	22	15	15	0	
Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	61	56	5	60	54	6	64	59	5	3	3	0	Thành lập Phòng Pháp chế
P. Chi cục Thủy sản	21	18	3	21	17	4	21	18	3	0	0	0	

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Biên chế giao năm 2011			Có mặt đến 30/9/2011			Kế hoạch biên chế năm 2012			Tăng, giảm giữa so với năm 2011			Vi trí việc làm tăng hoặc giảm (nếu có)
		Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
	VP. Chỉ cục Bảo vệ thực vật	16	13	3	15	12	3	16	13	3	0	0	0	
	VP. Chỉ cục Thú y	34	32	2	29	27	2	43	41	2	9	9	0	Sắp xếp lại tổ chức theo Thông tư liên tịch số 37/2011/TT-BNNPTNT-BNV, tăng thêm 1 phòng Quản lý chăn nuôi: Trưởng phòng, 1 Phó phòng, 4 chuyên viên theo dõi chăn nuôi, 3 chuyên viên theo dõi thức ăn
	Chỉ cục Phát triển nông thôn	26	25	1	26	25	1	29	28	1	3	3	0	Thành lập Văn phòng Điều phối chương trình nông dân nông thôn và xây dựng nông thôn mới gđ 2010-2020 (Quy định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ)
	Chỉ cục Kiểm lâm	128	122	6	123	118	5	128	122	6	0	0	0	
	Chỉ cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản, thủy sản	21	19	2	20	18	2	21	19	2	0	0	0	
15	Sở Giao thông - Vận tải	130	121	9	130	122	8	200	191	9	70	70	0	
	- Văn phòng Ban An toàn giao thông	5	4	1	5	4	1	5	4	1	0	0	0	
	Sở Giao thông - Vận tải	125	117	8	125	118	7	195	187	8	70	70	0	Tăng 03 do thành lập Phòng Pháp chế, Tăng 01 Cán bộ phụ trách 1 của Văn phòng Sở, Tăng 01 theo dõi an toàn giao thông Phòng Kế hoạch giao thông, 01 theo dõi vận tải bộ, Phòng Vận tải phương tiện; Tăng 64 biên chế cho lực lượng Thanh tra theo định mức quy định tại Đề án tăng cường bị chế, trang thiết bị cho lực lượng thanh tra giao thông vận tải được phê duyệt tại Quyết định số 259/QĐ-TTg ngày 04/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ
16	Sở Y tế	101	91	10	87	78	9	104	94	10	3	3	0	

Tên đơn vị trực thuộc	Biên chế giao năm 2011			Có mặt đến 30/9/2011			Kế hoạch biên chế năm 2012			Tăng, giảm giữa so với năm 2011			Vị trí việc làm tăng hoặc giảm (nếu có)
	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
ở Y tế	52	49	3	46	43	3	55	52	3	3	3	0	Thành lập Phòng Pháp chế
Chi cục Dân số - kế hoạch hoá gia đình	24	20	4	19	16	3	24	20	4	0	0	0	
Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	25	22	3	22	19	3	25	22	3	0	0	0	
Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	63	59	4	58	55	3	66	62	4	3	3	0	Thành lập Phòng Pháp chế
Sở Xây dựng	72	67	5	69	66	3	76	71	5	4	4	0	Tăng 03 do thành lập Phòng pháp chế và 01 chuyên viên Tiếp công dân theo đề án đổi mới tiếp công dân
Sở Tài chính	100	92	8	91	84	7	105	97	8	5	5	0	
Sở Tài chính	80	75	5	76	71	5	85	80	5	5	5	0	Tăng 03 do thành lập Phòng pháp chế và tăng 02 Phòng Giá công sản Quản lý giá cả thị trường, tài sản công theo Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011
Chi cục Tài chính doanh nghiệp	20	17	3	15	13	2	20	17	3	0	0	0	
Sở Lao động Thương binh và Xã hội	96	91	5	84	80	4	101	95	6	5	4	1	
Sở Lao động Thương binh và Xã hội	69	66	3	60	57	3	73	70	3	4	4	0	Tăng 03 do thành lập Phòng Pháp chế và 01 chuyên viên Phòng Dạy nghề quản lý đào tạo nghề nông thôn theo QĐ 1956/QĐ-TTg
Chi cục Bảo trợ, bảo vệ chăm sóc trẻ em	17	15	2	16	15	1	17	15	2	0	0	0	
Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	10	10	0	8	8		11	10	1	1	0	1	bảo vệ

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Biên chế giao năm 2011			Có mặt đến 30/9/2011			Kế hoạch biên chế năm 2012			Tăng, giảm giữa so với năm 2011			Vị trí việc làm tăng hoặc giảm (nếu có)
		Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
21	Ban Dân tộc	28	25	3	25	24	1	30	27	3	2	2	0	01 theo dõi gia làng, trường bản và 01 theo dõi công tác người Hoa phòng Chính sách
22	Sở Giáo dục và Đào tạo	74	69	5	69	64	5	81	75	6	7	6	1	Tăng 03 do thành lập Phòng Pháp chế, Tăng 01 Phòng Tổ chức cán bộ Chuyên viên phụ trách tư tưởng chính trị theo chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, tăng 01 Phòng Giáo dục chuyên nghiệp phụ trách giáo dục dân tộc theo chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, tăng 01 Phòng Giáo dục phổ thông quản lý y học đường; 01 nhân viên lái xe
23	Sở Ngoại vụ	34	30	4	32	28	4	34	30	4	0	0	0	
24	Ban quản lý các Khu công nghiệp	73	67	6	73	67	6	74	68	6	1	1	0	Tăng 1 Chuyên viên Phòng Môi trường tổ chức việc quatrắc môi trường chung các KCN, giám sát, kiểm tra, phân loại thu gom vận chuyển, xử lý tiêu hủy chất thải theo Thông tư 08/2009/TT-BTNMT. Giảm 1 do chuyển nhiệm vụ đánh giá tác động môi trường sang Sở Tài nguyên và Môi trường
II	CẤP HUYỆN	1.894	1.764	130	1.795	1.669	126	1.945	1.813	132	51	49	2	
1	Huyện Định Quán	165	152	13	153	140	13	169	156	13	4	4	0	Tăng 01 Phòng Tư pháp thực hiện công tác thống kê theo Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 14/7/2011; tăng 01 Phòng Tài chính kế hoạch Quản lý giá cả thị trường, tài sản công theo Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011; tăng 01 Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đổi chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Tăng 01 Thanh tra thực hiện thanh tra công vụ theo Luật Cán bộ, công chức

Tên đơn vị trực thuộc	Biên chế giao năm 2011			Có mặt đến 30/9/2011			Kế hoạch biên chế năm 2012			Tăng, giảm giữa so với năm 2011			Vị trí việc làm tăng hoặc giảm (nếu có)
	Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
Thành phố Biên Hòa	225	222	3	224	221	3	234	231	3	9	9	0	Phòng Kinh tế: Tăng cường 01 chuyên viên theo dõi nông nghiệp do nhận 4 xã từ Long Thành, 01 theo dõi chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Phòng Quản lý đô thị: Tăng cường 01 chuyên viên theo dõi Hạ tầng kỹ thuật đô thị do nhận 4 xã từ Long Thành; Phòng Tư pháp: tăng cường 01 thực hiện công tác thống kê theo Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 14/7/2011; Phòng Tài chính kế hoạch: tăng 01 Quản lý giá cả thị trường, tài sản công theo Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011; Thanh tra: 02 do 01 thanh tra công vụ theo Luật Cán bộ công chức và 01 tăng nhiệm vụ do nhận 4 xã từ huyện Long Thành; Phòng Nội vụ: Tăng cường 01 Chuyên viên theo dõi tôn giáo do nhận 4 xã từ Long Thành; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Tăng cường 01 Chuyên viên theo dõi tình hình đình công tại các doanh nghiệp do nhận 4 xã từ Long Thành
Huyện Tân Phú	150	144	6	133	123	10	154	148	6	4	4	0	Tăng 01 Phòng Tư pháp thực hiện công tác thống kê theo Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 14/7/2011; tăng 01 Phòng Tài chính kế hoạch Quản lý giá cả thị trường, tài sản công theo Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011; tăng 01 Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Tăng 01 Thanh tra thực hiện thanh tra công vụ theo Luật Cán bộ, công chức

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Biên chế giao năm 2011			Có mặt đến 30/9/2011			Kế hoạch biên chế năm 2012			Tăng, giảm giữa so với năm 2011			Vị trí việc làm tăng hoặc giảm (nếu có)
		Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
4	Huyện Xuân Lộc	164	150	14	168	154	14	168	154	14	4	4	0	Tăng 01 Phòng Tư pháp thực hiện công tác thống kê theo Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 14/7/2011; tăng 01 Phòng Tài chính kế hoạch Quản lý giá cả thị trường, tài sản công theo Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011; tăng 01 Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đổi chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Tăng 01 Thanh tra thực hiện thanh tra công vụ theo Luật Cán bộ, công chức
5	Huyện Long Thành	174	163	11	172	161	11	179	167	12	5	4	1	Tăng 01 Phòng Tư pháp thực hiện công tác thống kê theo Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 14/7/2011; tăng 01 Phòng Tài chính kế hoạch Quản lý giá cả thị trường, tài sản công theo Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011; tăng 01 phòng Kinh tế theo đổi chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Tăng 01 Thanh tra thực hiện thanh tra công vụ theo Luật Cán bộ, công chức; 01 bảo vệ Phòng Văn hóa - Thông tin do xây dựng trụ sở riêng
6	Huyện Nhơn Trạch	161	149	12	148	137	11	166	153	13	5	4	1	Tăng 01 Phòng Tư pháp thực hiện công tác thống kê theo Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 14/7/2011; tăng 01 Phòng Tài chính kế hoạch Quản lý giá cả thị trường, tài sản công theo Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011; tăng 01 phòng Kinh tế theo đổi chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Tăng 01 Thanh tra thực hiện thanh tra công vụ theo Luật Cán bộ, công chức; 01 bảo vệ Phòng Tài nguyên Môi trường do xây dựng trụ sở riêng

Tên đơn vị trực thuộc	Biên chế giao năm 2011			Có mặt đến 30/9/2011			Kế hoạch biên chế năm 2012			Tăng, giảm giữa so với năm 2011			Vị trí việc làm tăng hoặc giảm (nếu có)
	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
Huyện Vĩnh Cửu	167	152	15	159	144	15	171	156	15	4	4	0	Tăng 01 Phòng Tư pháp thực hiện công tác thống kê theo Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 14/7/2011; tăng 01 Phòng Tài chính kế hoạch Quản lý giá cả thị trường, tài sản công theo Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011; tăng 01 Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đổi chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Tăng 01 Thanh tra thực hiện thanh tra công vụ theo Luật Cán bộ, công chức
Huyện Trảng Bom	182	170	12	172	161	11	186	174	12	4	4	0	Tăng 01 Phòng Tư pháp thực hiện công tác thống kê theo Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 14/7/2011; tăng 01 Phòng Tài chính kế hoạch Quản lý giá cả thị trường, tài sản công theo Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011; tăng 01 phòng Kinh tế theo đổi chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Tăng 01 Thanh tra thực hiện thanh tra công vụ theo Luật Cán bộ, công chức
Thị xã Long Khánh	164	155	9	158	149	9	168	159	9	4	4	0	Tăng 01 Phòng Tư pháp thực hiện công tác thống kê theo Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 14/7/2011; tăng 01 Phòng Tài chính kế hoạch Quản lý giá cả thị trường, tài sản công theo Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011; tăng 01 phòng Kinh tế theo đổi chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Tăng 01 Thanh tra thực hiện thanh tra công vụ theo Luật Cán bộ, công chức

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Biên chế giao năm 2011			Có mặt đến 30/9/2011			Kế hoạch biên chế năm 2012			Tăng, giảm giữa so với năm 2011			Vị trí việc làm tăng hoặc giảm (nếu có)
		Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
10	Huyện Cẩm Mỹ	168	150	18	145	131	14	172	154	18	4	4	0	Tăng 01 Phòng Tư pháp thực hiện công tác thống kê theo Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 14/7/2011; tăng 01 Phòng Tài chính kế hoạch Quản lý giá cả thị trường, tài sản công theo Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011; tăng 01 Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đổi chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Tăng 01 Thanh tra thực hiện thanh tra công vụ theo Luật Cán bộ, công chức
11	Huyện Thống Nhất	174	157	17	163	148	15	178	161	17	4	4	0	Tăng 01 Phòng Tư pháp thực hiện công tác thống kê theo Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 14/7/2011; tăng 01 Phòng Tài chính kế hoạch Quản lý giá cả thị trường, tài sản công theo Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011; tăng 01 Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đổi chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Tăng 01 Thanh tra thực hiện thanh tra công vụ theo Luật Cán bộ, công chức



**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ NĂM 2011
VÀ KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2012**

(Kèm theo Tờ trình số 8040 /TTr-UBND ngày 14 tháng 1 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
	Tổng cộng	33.406	30.374	3.032	32.350	29.402	2.948	33.866	30.582	3.284	460	208	252	
I	Khối trực thuộc UBND tỉnh	420	409	11	385	385	0	450	430	20	30	21	9	
1	Trường Đại học Đồng Nai	270	260	10	251	251	0	300	280	20	30	20	10	Theo định mức
2	Trường Cao đẳng Y tế	75	75		64	64		75	75		0	0	0	
3	Trường Cao đẳng nghề	75	74	1	70	70		75	75		0	1	-1	
II	Khối trực thuộc Sở, ban, ngành	241	230	11	213	203	10	246	235	11	5	5	0	
1	Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải	36	36		34	34		36	36		0	0	0	
2	Trường Trung học Kinh tế	45	40	5	42	37	5	47	42	5	2	2	0	thành lập phòng công tác học sinh
3	Trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật	43	40	3	38	36	2	43	40	3	0	0	0	

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
4	Trường PT Năng khiếu Thể thao	39	36	3	30	27	3	39	36	3	0	0	0	
5	Trường Trung cấp nghề 26/3	36	36		33	33		39	39		3	3	0	
6	Trường Trung cấp nghề Long Thành - Nhơn Trạch	42	42		36	36		42	42		0	0	0	
III	Khối trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	4.358	4.116	242	3.911	3.690	221	4.323	4.078	245	-35	-38	3	
	1. Trung cấp	216	185	31	137	115	22	211	185	26	-5	0	-5	
1	Trường Trung cấp công nghiệp Đồng Nai	135	115	20	85	73	12	130	115	15	-5	0	-5	Không tuyển được
2	Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch	81	70	11	52	42	10	81	70	11	0	0	0	
	2. Trung học Phổ thông	3.854	3.687	167	3.521	3.365	156	3.810	3.638	172	-44	-49	5	
1	THPT Chuyên Lương Thế Vinh	114	107	7	105	98	7	119	111	8	5	4	1	tăng lớp chuyên
2	THPT Ngô Quyền	82	78	4	80	76	4	82	78	4	0	0	0	
3	THPT Trần Biên	116	112	4	111	107	4	116	112	4	0	0	0	
4	THPT Chu Văn An	53	50	3	46	43	3	47	44	3	-6	-6	0	Giảm lớp
5	THPT Tam Hiệp	88	84	4	82	79	3	84	80	4	-4	-4	0	Giảm lớp
6	THPT Lê Hồng Phong	102	98	4	96	92	4	100	96	4	-2	-2	0	Giảm lớp
7	THPT Nam Hà	82	79	3	79	76	3	82	79	3	0	0	0	
8	THPT Nguyễn Trãi	85	83	2	81	79	2	83	81	2	-2	-2	0	Giảm lớp

TT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
0	THPT Nguyễn Hữu Canh	78	75	3	75	72	3	76	73	3	-2	-2	0	Giảm lớp
0	THPT Tam Phước	81	78	3	76	73	3	81	78	3	0	0	0	
1	THPT Vĩnh Cửu	96	93	3	93	90	3	94	91	3	-2	-2	0	Giảm lớp
2	THPT Trĩ An	90	87	3	83	81	2	87	84	3	-3	-3	0	Giảm lớp
3	THPT Long Thành	94	91	3	85	82	3	90	87	3	-4	-4	0	Giảm lớp
4	THPT Nguyễn Đình Chiểu	71	68	3	64	61	3	70	67	3	-1	-1	0	
5	THPT Bình Sơn	76	73	3	71	68	3	78	75	3	2	2	0	Tăng lớp
6	THPT Long Phước	94	91	3	89	86	3	93	89	4	-1	-2	1	Tăng lớp
7	THPT Phước Thiện	71	68	3	69	66	3	67	64	3	-4	-4	0	Tăng lớp
8	THPT Nhơn Trạch	97	93	4	85	81	4	86	82	4	-11	-11	0	Tăng lớp
9	THPT Nguyễn Bình Khiêm	31	28	3	31	28	3	53	49	4	22	21	1	Tăng lớp
10	THPT Ngô Sĩ Liên	95	91	4	85	81	4	93	89	4	-2	-2	0	Giảm lớp
11	THPT Thống Nhất A	113	111	2	100	99	1	106	104	2	-7	-7	0	Giảm lớp
12	THPT Thống Nhất B	115	113	2	107	105	2	113	110	3	-2	-3	1	Giảm lớp
13	THPT Dầu Giây	100	96	4	90	87	3	97	93	4	-3	-3	0	Giảm lớp
14	THPT Kiệm Tân	95	91	4	85	81	4	86	82	4	-9	-9	0	Giảm lớp
15	THPT Điều Cai	102	98	4	92	89	3	100	96	4	-2	-2	0	Giảm lớp
16	THPT Phú Ngọc	90	87	3	77	74	3	81	78	3	-9	-9	0	Giảm lớp
17	THPT Tân Phú	96	93	3	91	88	3	94	91	3	-2	-2	0	Giảm lớp

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
28	THPT Định Quán	93	89	4	74	70	4	82	78	4	-11	-11	0	Giảm lớp
29	THPT Đoàn Kết	94	91	3	91	88	3	96	93	3	2	2	0	tăng lớp
30	THPT Thanh Bình	96	93	3	88	85	3	96	93	3	0	0	0	
31	THPT Tôn Đức Thắng	78	75	3	73	70	3	78	75	3	0	0	0	
32	THPT Trần Phú	59	56	3	56	53	3	65	61	4	6	5	1	tăng lớp
33	THPT Long Khánh	110	107	3	99	96	3	102	99	3	-8	-8	0	Giảm lớp
34	THPT Xuân Lộc	114	110	4	102	99	3	114	110	4	0	0	0	
35	THPT Xuân Thọ	79	75	4	79	76	3	86	82	4	7	7	0	tăng lớp
36	THPT Xuân Hưng	92	89	3	81	78	3	94	91	3	2	2	0	tăng lớp
37	THPT Sông Ray	121	117	4	96	92	4	119	115	4	-2	-2	0	Giảm lớp
38	THPT Võ Trường Toản	105	101	4	79	75	4	110	106	4	5	5	0	tăng lớp
39	THPT Xuân Mỹ	54	51	3	54	51	3	71	68	3	17	17	0	tăng lớp
40	THCS&THPT Huỳnh Văn Nghệ	91	87	4	85	82	3	87	83	4	-4	-4	0	tăng lớp
41	THPT Bàu Hàm	90	86	4	81	78	3	88	84	4	-2	-2	0	
42	THPT Đắc Lúa	64	61	3	52	49	3	57	54	3	-7	-7	0	Giảm lớp
43	Trường PT dân tộc nội trú Liên Huyện	43	31	12	39	29	10	43	31	12	0	0	0	
44	Trường PT dân tộc nội trú Tỉnh	64	52	12	64	52	12	64	52	12	0	0	0	
	3. Giáo dục thường xuyên	190	164	26	170	140	30	204	172	32	14	8	6	0
1	TTGDTX tỉnh	13	11	2	13	11	2	13	11	2	0	0	0	

Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
TX TP Biên Hòa	15	13	2	16	14	2	23	21	2	8	8	0	sáp nhập các cụm bổ túc văn hóa (giải thể Trường Bổ túc văn hóa Biên Hòa)
TX Long Thành	21	18	3	18	15	3	21	18	3	0	0	0	
TX Nhơn Trạch	17	14	3	16	13	3	17	14	3	0	0	0	
TX Vĩnh Cửu	19	16	3	17	15	2	19	16	3	0	0	0	
TX Trảng Bom	18	15	3	17	14	3	18	15	3	0	0	0	
TX Thống Nhất	14	13	1	12	9	3	16	13	3	2	0	2	
TX Tân Phú	13	11	2	12	9	3	14	11	3	1	0	1	
TX Định Quán	18	15	3	17	14	3	18	15	3	0	0	0	
TX Long Khánh	15	15	0	15	13	2	17	15	2	2	0	2	
TX Xuân Lộc	10	8	2	8	6	2	11	8	3	1	0	1	
TX Cẩm Mỹ	17	15	2	9	7	2	17	15	2	0	0	0	
cơ sở giáo dục có tên gọi khác	98	80	18	83	70	13	98	83	15	0	3	-3	
âm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp	16	16	0	12	12	0	16	16	0	0	0	0	
văn hóa tỉnh	30	26	4	29	26	3	32	29	3	2	3	-1	Giảm lớp
Trẻ khuyết tật	52	38	14	42	32	10	50	38	12	-2	0	-2	Giảm lớp

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
IV	Khối trực thuộc UBND huyện	28.387	25.619	2.768	27.841	25.124	2.717	28.847	25.839	3.008	460	220	240	
	1. Mầm non	7.032	5.560	1.472	6.850	5.385	1.465	7.428	5.761	1.667	396	201	195	
1	Huyện Long Thành	541	430	111	477	383	94	558	438	120	17	8	9	
2	Huyện Trảng Bom	604	467	137	604	467	137	617	470	147	13	3	10	
3	Huyện Vĩnh Cửu	600	477	123	601	475	126	631	491	140	31	14	17	
4	Huyện Thống Nhất	529	417	112	529	417	112	529	417	112	0	0	0	
5	Huyện Nhơn Trạch	433	355	78	408	331	77	456	356	100	23	1	22	
6	Huyện Định Quán	747	596	151	745	589	156	808	619	189	61	23	38	
7	Huyện Cẩm Mỹ	580	472	108	572	471	101	645	528	117	65	56	9	
8	Thị xã Long Khánh	606	483	123	575	441	134	636	483	153	30	0	30	
9	Huyện Xuân Lộc	743	566	177	699	528	171	835	632	203	92	66	26	
10	Huyện Tân Phú	675	532	143	665	522	143	739	566	173	64	34	30	
11	Biên Hòa	974	765	209	975	761	214	974	761	213	0	-4	4	
	2. Tiểu học	11.965	11.153	812	11.732	10.943	789	12.047	11.181	866	82	28	54	
1	Huyện Long Thành	865	805	60	799	742	57	876	810	66	11	5	6	

Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
Trảng Bom	1.176	1.097	79	1.176	1.097	79	1.195	1.101	94	19	4	15	
Vĩnh Cửu	632	596	36	635	596	39	650	610	40	18	14	4	
Hố Nai	799	745	54	799	745	54	799	745	54	0	0	0	
Thon Trạch	603	562	41	589	550	39	608	562	46	5	0	5	
Định Quán	1.343	1.253	90	1.301	1.212	89	1.332	1.231	101	-11	-22	11	
Cẩm Mỹ	918	848	70	911	841	70	920	844	76	2	-4	6	
Long Khánh	769	720	49	717	676	41	774	725	49	5	5	0	
Quận Lộc	1.352	1.238	114	1.291	1.183	108	1.331	1.218	113	-21	-20	-1	
Tân Phú	1.070	997	73	1.051	978	73	1.043	972	71	-27	-25	-2	
Đa	2.438	2.292	146	2.463	2.323	140	2.519	2.363	156	81	71	10	
g học cơ sở	9.338	8.857	481	9.259	8.796	463	9.372	8.897	475	34	40	-6	
Long Thành	719	682	37	677	641	36	708	670	38	-11	-12	1	
Trảng Bom	879	828	51	879	828	51	885	838	47	6	10	-4	
Vĩnh Cửu	503	482	21	507	482	25	511	485	26	8	3	5	

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
4	Huyện Thống Nhất	660	623	37	660	623	37	660	623	37	0	0	0	
5	Huyện Nhơn Trạch	512	471	41	498	458	40	504	466	38	-8	-5	-3	
6	Huyện Định Quán	989	943	46	969	923	46	976	929	47	-13	-14	1	
7	Huyện Cẩm Mỹ	687	647	40	717	685	32	713	681	32	26	34	-8	
8	Thị xã Long Khánh	621	591	30	604	580	24	621	591	30	0	0	0	
9	Huyện Xuân Lộc	993	942	51	935	885	50	964	914	50	-29	-28	-1	
10	Huyện Tân Phú	782	740	42	783	741	42	762	720	42	-20	-20	0	
11	Biên Hòa	1.993	1.908	85	2.030	1.950	80	2.068	1.980	88	75	72	3	
	4. Bộ túc văn hóa (Biên Hòa)	52	49	3				0	0	0	-52	-49	-3	giải thể



**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ NĂM 2011
VÀ KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2012**

(Kèm theo Tờ trình số 8040 /TTr-UBND ngày 14 tháng 1 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Sự nghiệp Y tế

Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
Đồng cộng	8.194	7.909	285	7.333	7.140	193	8.680	8.363	317	486	454	32	
Bệnh viện	5.672	5.455	217	4.974	4.833	141	6.121	5.881	240	449	426	23	
1. Tuyến tỉnh	3.082	2.985	97	2.797	2.731	66	3.294	3.191	103	212	206	6	
Bệnh viện ĐK ĐN	980	965	15	924	912	12	1.008	993	15	28	28	0	
V ĐK Thống Nhất	910	880	30	919	904	15	980	950	30	70	70	0	
Bệnh viện Đa liễu	99	87	12	73	66	7	126	114	12	27	27	0	
V Y học Cổ truyền	100	90	10	108	98	10	150	135	15	50	45	5	
V Phổi Đồng Nai	180	164	16	136	123	13	180	164	16	0	0	0	
Bệnh viện Nhi Đồng Nai	813	799	14	637	628	9	850	835	15	37	36	1	
2. Bệnh viện đa khoa khu vực	1.265	1.222	43	1.059	1.033	26	1.391	1.343	48	126	121	5	
V ĐKKV Định Quán	374	349	25	294	281	13	440	410	30	66	61	5	

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
2	BV ĐKKV Long Thành	396	388	8	384	377	7	451	443	8	55	55	0	
3	BV ĐKKV Long Khánh	495	485	10	381	375	6	500	490	10	5	5	0	
	1.3. Bệnh viện tuyến huyện	1.325	1.248	77	1.118	1.069	49	1.436	1.347	89	111	99	12	
1	BV ĐK TP Biên Hòa	176	171	5	135	133	2	176	171	5	0	0	0	
2	BV ĐK H Vĩnh Cửu	143	136	7	118	114	4	176	164	12	33	28	5	
3	BVĐK H Trảng Bom	176	165	11	148	145	3	176	165	11	0	0	0	
4	Bệnh viện ĐK Dầu Giây	132	118	14	153	139	14	165	147	18	33	29	4	
5	BVĐK H Xuân Lộc	228	218	10	207	197	10	242	229	13	14	11	3	
6	BVĐK H Cẩm Mỹ	156	146	10	116	112	4	165	155	10	9	9	0	
7	BVĐK H Tân Phú	204	194	10	134	127	7	215	205	10	11	11	0	
8	BVĐK H Nhơn Trạch	110	100	10	107	102	5	121	111	10	11	11	0	
	2. Y tế dự phòng	984	917	67	922	871	51	1.026	950	76	42	33	9	
	2.1. Trung tâm tuyến tỉnh	447	417	30	390	366	24	462	430	32	15	13	2	
1	TT Chăm sóc sức khỏe sinh sản	68	65	3	43	41	2	68	65	3	0	0	0	
2	TT Bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường	95	90	5	107	102	5	95	90	5	0	0	0	
3	TT Răng hàm mặt	30	27	3	30	27	3	30	27	3	0	0	0	

Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
TTYT Dự phòng	100	97	3	88	86	2	100	98	2	0	1	-1	
TT Kiểm dịch y tế quốc tế	20	17	3	18	15	3	20	17	3	0	0	0	
TT phòng chống HIV/AIDS	36	33	3	32	30	2	45	40	5	9	7	2	
TT Giám định y khoa	22	19	3	12	11	1	24	21	3	2	2	0	
TT Pháp y	24	21	3	18	15	3	24	21	3	0	0	0	
TT truyền thông giáo dục sức khỏe	16	14	2	13	12	1	16	14	2	0	0	0	
TT kiểm nghiệm thuốc - thực phẩm - mỹ phẩm	36	34	2	29	27	2	40	37	3	4	3	1	
2.2. Trung tâm tuyến huyện	463	431	32	459	434	25	488	451	37	25	20	5	
TTYT H Nhơn Trạch	37	34	3	36	33	3	39	35	4	2	1	1	
TTYT H Vĩnh Cửu	35	32	3	32	31	1	35	32	3	0	0	0	
TTYT H Xuân Lộc	49	46	3	50	47	3	52	49	3	3	3	0	
TTYT H Trảng Bom	40	37	3	42	40	2	42	39	3	2	2	0	
TTYT H Tân Phú	48	45	3	44	43	1	52	49	3	4	4	0	

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
6	TTYT TP Biên Hòa	50	47	3	43	40	3	54	50	4	4	3	1	
7	TTYT H Thống Nhất	36	33	3	35	32	3	38	34	4	2	1	1	
8	TTYT H Cẩm Mỹ	46	43	3	46	43	3	49	45	4	3	2	1	
9	TTYT H Định Quán	49	46	3	49	47	2	52	49	3	3	3	0	
10	TTYT H Long Thành	38	35	3	44	41	3	40	36	4	2	1	1	
11	TTYT H Long Khánh	35	33	2	38	37	1	35	33	2	0	0	0	
	2.3. TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	74	69	5	73	71	2	76	69	7	2	0	2	
1	TTDSKHHGD TP. Biên Hoà	10	9	1	9	9		10	9	1	0	0	0	
2	TTDSKHHGD TX. Long Khánh	7	6	1	7	6	1	7	6	1	0	0	0	
3	TTDSKHHGD H .Trảng Bom	6	6		6	6		6	6		0	0	0	
4	TTDSKHHGD H. Thống Nhất	6	6		6	6		7	6	1	1	0	1	bảo vệ do có trụ sở
5	TTDSKHHGD H .Tân Phú	6	6		7	7		7	6	1	1	0	1	bảo vệ do có trụ sở
6	TTDSKHHGD H .Định Quán	7	6	1	7	7		7	6	1	0	0	0	
7	TTDSKHHGD H. Vĩnh Cửu	6	6		6	6		6	6	0	0	0	0	

Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
TTDSKHHGD H. Cẩm Mỹ	7	6	1	8	7	1	7	6	1	0	0	0	
TTDSKHHGD H Nhơn Trạch	6	6		5	5		6	6	0	0	0	0	
TTDSKHHGD H Xuân Lộc	6	6		6	6		6	6	0	0	0	0	
TTDSKHHGD H. Long Thành	7	6	1	6	6		7	6	1	0	0	0	
3. Y tế xã, phường, thị trấn	1.538	1.537	1	1.437	1.436	1	1.533	1.532	1	-5	-5	0	
Các Trạm y tế trên địa bàn TP. Biên Hoà	278	278		241	241		278	278		0	0	0	
Các Trạm y tế trên địa bàn TX. Long Khánh	119	119		114	114		119	119		0	0	0	
Các Trạm y tế trên địa bàn Huyện Trảng Bom	154	154		131	131		154	154		0	0	0	
Các Trạm y tế trên địa bàn Huyện Thống Nhất	98	97	1	92	91	1	98	97	1	0	0	0	
Các Trạm y tế trên địa bàn Huyện Tân Phú	159	159		143	143		159	159		0	0	0	
Các Trạm y tế trên địa bàn Huyện Định Quán	144	144		144	144		144	144		0	0	0	
Các Trạm y tế trên địa bàn Huyện Vĩnh Cửu	96	96		88	88		91	91		-5	-5	0	
Các Trạm y tế trên địa bàn Huyện Cẩm Mỹ	118	118		117	117		118	118		0	0	0	
Các Trạm y tế trên địa bàn Huyện Nhơn Trạch	102	102		92	92		102	102		0	0	0	
Các Trạm y tế trên địa bàn Huyện Xuân Lộc	147	147		149	149		147	147		0	0	0	
Các Trạm y tế trên địa bàn Huyện Long Thành	123	123		126	126		123	123		0	0	0	



**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ NĂM 2011
VÀ KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2012**

(Kèm theo Tờ trình số 8010 /TTr-UBND ngày 14 tháng 1 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Sự nghiệp Văn hóa - Thể thao và Du lịch

TT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số			Tổng số			Tổng số			Tổng số			
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
	Tổng cộng	740	605	135	677	548	129	743	612	131	3	7	-4	
	1. Cấp tỉnh	352	277	75	305	232	73	355	281	74	3	4	-1	
	1. 1. Trực thuộc UBND tỉnh	24	20	4	22	18	4	24	20	4	0	0	0	
1	Nhà Thiếu nhi	24	20	4	22	18	4	24	20	4	0	0	0	
	1. 2. Trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	328	257	71	283	214	69	331	261	70	3	4	-1	
1	Đoàn Ca múa kịch	32	30	2	30	29	1	36	34	2	4	4	0	bổ sung 2 biên chế Đội múa và 2 biên chế Đội ca để đảm bảo đủ số lượng thực hiện các chương trình nghệ thuật
2	Đoàn Nghệ thuật Cải lương	45	44	1	35	34	1	45	44	1	0	0	0	

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số			Tổng số			Tổng số			Tổng số			
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
3	TT Văn hóa thông tin	34	32	2	25	23	2	34	32	2	0	0	0	
4	Thư viện tỉnh	35	31	4	35	31	4	35	31	4	0	0	0	
5	Nhà Bảo tàng	43	31	12	43	31	12	43	31	12	0	0	0	
6	Ban Quản lý di tích - Danh thắng	27	18	9	27	18	9	26	18	8	-1	0	-1	chuyển sang Ban Quản lý di tích huyện Long Thành
7	Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh	63	45	18	42	30	18	63	45	18	0	0	0	
8	Trung tâm Hội nghị và tổ chức sự kiện	37	15	22	31	10	21	37	15	22	0	0	0	
9	Trung tâm Xúc tiến Du lịch	12	11	1	9	8	1	12	11	1	0	0	0	
	2. Cấp huyện	388	328	60	372	316	56	388	331	57	0	3	-3	
	1. Huyện Định Quán	42	34	8	41	33	8	42	34	8	0	0	0	
	- Đài Truyền thanh	12	11	1	12	11	1	12	11	1	0	0	0	
	- Thư viện	9	8	1	9	8	1	9	8	1	0	0	0	
	- Trung tâm Văn hóa thông tin	21	15	6	20	14	6	21	15	6	0	0	0	
	2. Thành phố Biên Hòa	45	37	8	31	33	8	31	31	0	-14	-6	-8	

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số			Tổng số			Tổng số			Tổng số			
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
	- Đài truyền thanh	16	16		12	12		16	16		0	0	0	
	- Trung tâm Văn hóa thông tin Thể thao	15	15		15	15		15	15		0	0	0	
	- Trung tâm Văn miếu Trấn Biên	14	6	8	14	6	8	0	0	0	-14	-6	-8	chuyển giao về Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm theo 7077/TB-UBND-VX ngày 17/10/2011 về chuyển giao quản lý trung tâm Văn miếu Trấn Biên
	3. Huyện Tân Phú	32	27	5	27	23	4	34	29	5	2	2	0	
	- Đài truyền thanh	9	8	1	9	8	1	10	9	1	1	1	0	tăng cường 1 phóng viên để thu thập thông tin và truyền tin
	- Thư viện	7	5	2	7	5	2	8	6	2	1	1	0	phụ trách phòng Internet
	- Trung tâm Văn hóa thông tin	16	14	2	11	10	1	16	14	2	0	0	0	trong đó có 1 bảo tàng
	4. Huyện Xuân Lộc	32	30	2	33	30	3	33	30	3	1	0	1	
	- Đài truyền thanh	12	11	1	12	11	1	12	11	1	0	0	0	
	- Thư viện	5	5		5	5		5	5		0	0	0	
	- Nhà Thiếu nhi	4	4		5	4	1	4	4		0	0	0	

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số			Tổng số			Tổng số			Tổng số			
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
	- Trung tâm Văn hóa thông tin	11	10	1	11	10	1	12	10	2	1	0	1	tăng 1 bảo vệ (theo đề án thành lập)
	5. Huyện Long Thành	37	33	4	37	33	4	41	36	5	4	3	1	
	- Đài truyền thanh	12	12		12	12		12	12		0	0	0	
	- Thư viện	7	6	1	7	6	1	7	6	1	0	0	0	
	- Trung tâm Văn hóa thông tin	14	14		14	14		14	14		0	0	0	
	- Khu Di tích căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa	4	1	3	4	1	3	8	4	4	4	3	1	Đang làm thủ tục thành lập Ban Quản lý di tích danh thắng
	6. Huyện Nhơn Trạch	43	25	18	38	23	15	45	27	18	2	2	0	
	- Đài truyền thanh	11	9	2	10	9	1	12	10	2	1	1	0	phóng viên thu thập thông tin và truyền tin
	- Thư viện	4	3	1	4	3	1	4	3	1	0	0	0	
	- Trung tâm Văn hóa thông tin TT	11	8	3	9	6	3	12	9	3	1	1	0	phụ trách thể dục thể thao
	- Ban Quản lý di tích danh thắng	17	5	12	15	5	10	17	5	12	0	0	0	
	7. Huyện Vĩnh Cửu	30	25	5	28	24	4	32	26	6	2	1	1	

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số			Tổng số			Tổng số			Tổng số			
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
	- Đài truyền thanh	9	7	2	6	5	1	9	7	2	0	0	0	
	- Thư viện	7	5	2	7	7	2	9	6	3	2	1	1	1 phụ trách phòng Internet, 1 bảo vệ do có trụ sở riêng
	- Trung tâm Văn hóa thông tin TDTT	14	13	1	13	12	1	14	13	1	0	0	0	
	8. Huyện Trảng Bom	42	39	3	42	39	3	42	39	3	0	0	0	
	- Đài Truyền thanh	14	14		14	14		14	14		0	0	0	
	- Thư viện, Nhà truyền thống	13	11	2	13	11	2	13	11	2	0	0	0	
	- Trung tâm Văn hóa thông tin TDTT	15	14	1	15	14	1	15	14	1	0	0	0	
	9. Thị xã Long Khánh	29	28	1	29	28	1	29	28	1	0	0	0	
	- Đài truyền thanh	11	10	1	11	10	1	11	10	1	0	0	0	
	- Đội Thông tin lưu động	4	4		4	4		4	4		0	0	0	
	- Thư viện	3	3		3	3		3	3		0	0	0	
	- Bảo tồn, bảo tàng	1	1		1	1		1	1		0	0	0	
	- Trung tâm Văn hóa thông tin TDTT	10	10		10	10		10	10		0	0	0	

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số			Tổng số			Tổng số			Tổng số			
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
	10. Huyện Cẩm Mỹ	26	25	1	26	25	1	28	25	3	2	0	2	
	- Đài truyền thanh	13	13		13	13		14	13	1	1	0	1	Bảo vệ vì có trụ sở riêng
	- Trung tâm Văn hóa thông tin TDTT	13	12	1	13	12	1	14	12	2	1	0	1	Bảo vệ vì có trụ sở riêng
	11. Huyện Thống Nhất	30	25	5	30	25	5	31	26	5	1	1	0	
	- Đài truyền thanh	11	10	1	11	10	1	11	10	1	0	0	0	
	- Trung tâm Văn hóa thông tin	14	10	4	14	10	4	15	11	4	1	1	0	Tăng cường 1 thông tin lưu động
	- Thư viện	5	5		5	5		5	5		0	0	0	



**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ NĂM 2011
VÀ KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2012**

(Kèm theo Tờ trình số 800 /TTr-UBND ngày 14 tháng 1 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Sự nghiệp khác

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
	Tổng cộng	1.344	1.224	120	1.234	1.119	115	1.339	1.215	124	-5	-9	4	
	I. Cấp tỉnh	1.235	1.128	107	1.126	1.023	103	1.237	1.125	112	2	-3	5	
	1. Trực thuộc UBND tỉnh	330	305	25	303	279	24	330	305	25	0	0	0	
1	Khu Bảo tồn thiên nhiên và văn hóa Đồng Nai	330	305	25	303	279	24	330	305	25	0	0	0	
	2. Trực thuộc các Sở, ban, ngành	905	823	82	823	744	79	907	820	87	2	-3	5	
	2.1. Trực thuộc VP. UBND tỉnh	26	26	0	26	26	0	26	26	0	0	0	0	
1	TT Tin học - ngoại ngữ	14	14		14	14		14	14		0	0	0	
2	TT Công báo	12	12		12	12		12	12		0	0	0	
	2.2. Trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và xã hội	244	175	69	204	139	65	244	175	69	0	0	0	

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
1	TT Nuôi dưỡng Trẻ mồ côi khuyết tật	45	38	7	42	36	6	45	38	7	0	0	0	
2	TT Bảo trợ người già và người tàn tật và người tâm thần	63	53	10	33	23	10	63	53	10	0	0	0	
3	Nhà nuôi dưỡng người có công	3	1	2	2		2	3	1	2	0	0	0	
4	TT Giáo dục Lao động xã hội	75	45	30	72	45	27	75	45	30	0	0	0	
5	TT Bảo trợ huấn nghệ cô nhi Biên Hòa	28	20	8	27	19	8	28	20	8	0	0	0	
6	Ban Quản lý nghĩa trang	18	7	11	16	5	11	18	7	11	0	0	0	
7	TT Giới thiệu việc làm tỉnh	7	7		7	7		7	7		0	0	0	
8	Quỹ Bảo trợ trẻ em	2	2		2	2		2	2		0	0	0	
9	Bộ phận Tư vấn dịch vụ truyền thông trẻ em	3	2	1	3	2	1	3	2	1	0	0	0	
	2.3. Trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT	346	337	9	328	319	9	349	339	10	3	2	1	
1	Các Trạm thuộc Chi cục Bảo vệ thực vật	34	34		32	32		34	34		0	0	0	
2	Các Trạm thuộc Chi cục Thủy sản	10	7	3	10	7	3	10	7	3	0	0	0	

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
3	TT Khuyến nông	57	56	1	52	51	1	57	56	1	0	0	0	
4	TT Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	14	12	2	14	12	2	16	14	2	2	2	0	Quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn theo Văn bản số 8304/TB-UBND ngày 12/10/2010 của UBND tỉnh
5	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú	82	81	1	75	74	1	82	81	1	0	0	0	
6	Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc	48	48		47	47		48	48		0	0	0	
7	Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành	55	54	1	52	51	1	55	54	1	0	0	0	
8	Ban Quản lý rừng phòng hộ 600	30	29	1	30	29	1	30	29	1	0	0	0	
9	Trung tâm Lâm nghiệp Biên Hòa	16	16		16	16		17	16	1	1	0	1	bảo vệ Nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Đoàn Đặc công 113
	2.4. Trục thuộc Sở Giao thông vận tải	77	76	1	67	67	0	77	76	1	0	0	0	
1	TT Quản lý vận tải hành khách công cộng	45	45		38	38		45	45		0	0	0	
2	Khu Quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa	14	14		14	14		14	14		0	0	0	

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
3	Cảng vụ đường thủy nội địa	18	17	1	15	15		18	17	1	0	0	0	
	2.5. Trục thuộc Sở Tài nguyên & Môi trường	37	37	0	37	37	0	39	39	0	2	2	0	
1	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh	22	22		22	22		22	22		0	0	0	
2	Trung tâm Công nghệ thông tin	15	15		15	15		17	17		2	2	0	theo dõi dữ liệu quan trắc, tài nguyên nước
	2.6. Trục thuộc Sở Khoa học & Công nghệ	28	28	0	28	28	0	24	20	4	-4	-8	4	
1	Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học	20	20		20	20		24	20	4	4	0	4	1 lái xe, 2 bảo vệ, 1 phục vụ
2	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ	8	8		8	8		0	0	0	-8	-8	0	đơn vị thực hiện NĐ115
	2.7. Trục thuộc Sở Tư pháp:	74	74	0	63	63	0	74	74	0	0	0	0	
1	TT Dịch vụ bán đấu giá tài sản	10	10		9	9		10	10		0	0	0	
2	TT Trợ giúp pháp lý	32	32		25	25		32	32		0	0	0	
3	Phòng Công chứng số 1	13	13		11	11		13	13		0	0	0	
4	Phòng Công chứng số 2	6	6		6	6		6	6		0	0	0	
5	Phòng Công chứng số 3	6	6		5	5		6	6		0	0	0	
6	Phòng Công chứng số 4	7	7		7	7		7	7		0	0	0	

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
	2.8. Trực thuộc Sở Công Thương:	33	30	3	33	30	3	33	30	3	0	0	0	
1	TT Khuyến công	16	15	1	16	15	1	16	15	1	0	0	0	
2	TT Xúc tiến thương mại	17	15	2	17	15	2	17	15	2	0	0	0	
	2.9. Trực thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp:	12	12	0	10	10	0	12	12	0	0	0	0	
1	Trung tâm Đào tạo cung ứng lao động kỹ thuật	12	12		10	10		12	12	0	0	0	0	
	2.10. Trực thuộc Sở Ngoại vụ	9	9	0	6	6	0	5	5	0	-4	-4	0	
1	TT Dịch vụ đối ngoại	9	9		6	6		5	5	0	-4	-4	0	đơn vị dần dần chuyển sang tự trang trải (đến năm 2013 tự trang trải toàn bộ)
	2.11. Trực thuộc Sở Nội vụ	7	7	0	7	7	0	7	7	0	0	0	0	
1	Chi cục Văn thư Lưu trữ	7	7		7	7		7	7		0	0	0	
	2.12. Sở Thông tin và Truyền thông	12	12	0	14	12	2	17	17	0	5	5	0	
1	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông	12	12		14	12	2	17	17		5	5	0	Thành lập phòng Thông tin số quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử do nhận chuyển giao từ Sở Khoa học và công nghệ

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
	II. Cấp huyện	109	96	13	108	96	12	102	90	12	-7	-6	-1	
	1. Huyện Định Quán	5	5	0	5	5	0	5	5	0	0	0	0	
	Vp. Đăng ký quyền sử dụng đất	5	5		5	5		5	5		0	0	0	
	2. Thành phố Biên Hòa	9	9	0	9	9	0	9	9	0	0	0	0	
	Vp. Đăng ký quyền sử dụng đất	9	9		9	9		9	9		0	0	0	
	3. Huyện Tân Phú	8	8	0	8	8	0	8	8	0	0	0	0	
	- Vp. Đăng ký quyền sử dụng đất	5	5		5	5		5	5		0	0	0	
	- Trung tâm Dạy nghề	3	3		3	3		3	3		0	0	0	
	4. Huyện Xuân Lộc	10	10	0	10	10	0	8	8	0	-2	-2	0	
	- Vp. Đăng ký quyền sử dụng đất	5	5		5	5		5	5		0	0	0	
	- Trung tâm Dạy nghề	3	3		3	3		3	3		0	0	0	
	- Tổ Quản lý trật tự xây dựng	2	2		2	2		0	0		-2	-2	0	Thành lập Đội Thanh tra xây dựng
	5. Huyện Long Thành	12	7	5	12	7	5	13	9	4	1	2	-1	

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
	- Vp. Đăng ký quyền sử dụng đất	7	7		7	7		7	7		0	0	0	
	- Ban Quản lý nghĩa trang liệt sĩ	5		5	5		5	6	2	4	1	2	-1	Mới thành lập
	6. Huyện Nhơn Trạch	14	14	0	14	14	0	7	7	0	-7	-7	0	
	- Vp. Đăng ký quyền sử dụng đất	7	7		7	7		7	7		0	0	0	
	- Trung tâm Quản lý cụm công nghiệp	4	4		4	4		0			-4	-4	0	chuyển sang tự trang trải
	- Đội Quản lý trật tự đô thị	3	3		3	3		0			-3	-3	0	Thành lập Đội Thanh tra xây dựng
	7. Huyện Vĩnh Cửu	13	9	4	12	9	3	13	9	4	0	0	0	
	- Vp. Đăng ký quyền sử dụng đất	5	5		5	5		5	5		0	0	0	
	- Kho Lưu trữ	6	4	2	5	4	1	6	4	2	0	0	0	
	- Quán trang	2		2	2		2	2		2	0	0	0	
	8. Huyện Trảng Bom	7	7	0	7	7	0	8	8	0	1	1	0	
	- Vp. Đăng ký quyền sử dụng đất	7	7		7	7		7	7		0	0	0	
	- Kho Lưu trữ							1	1		1	1	0	thực hiện công tác lưu trữ lịch sử cho huyện

STT	Tên đơn vị	Giao năm 2011			Thực hiện đến 30/9/2011			Kế hoạch năm 2012			Tăng giảm so với 2011			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ		Biên chế	Hợp đồng LĐ	
	9. Thị xã Long Khánh	10	10	0	10	10	0	10	10	0	0	0	0	
	- Vp. Đăng ký quyền sử dụng đất	7	7		7	7		7	7		0	0	0	
	- Trung tâm Dạy nghề	3	3		3	3		3	3		0	0	0	
	10. Huyện Cẩm Mỹ	8	8	0	8	8	0	8	8	0	0	0	0	
	- Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	5	5		5	5		5	5		0	0	0	
	- Trung tâm Dạy nghề	3	3		3	3		3	3		0	0	0	
	11. Huyện Thống Nhất	13	9	4	13	9	4	13	9	4	0	0	0	
	- Vp. Đăng ký quyền sử dụng đất	5	5		5	5		5	5		0	0	0	
	- Công viên Trung tâm huyện (Đài Liệt sỹ)	4		4	4		4	4		4	0	0	0	
	- Trung tâm Dạy nghề	4	4		4	4		4	4		0	0	0	

Số: 479/BC-HĐND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 11 năm 2011

BÁO CÁO THẨM TRA

Nghị quyết và Tờ trình về kế hoạch biên chế công chức và quyết định biên chế sự nghiệp tỉnh Đồng Nai năm 2012

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban HĐND, được quy định tại điều 55 Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003 về việc thẩm tra các đề án, tờ trình, trình tại kỳ họp HĐND tỉnh.

Ban pháp chế đã tổ chức cuộc họp để thẩm tra Tờ trình số 8010/TTr-UBND ngày 14/11/2011 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết về kế hoạch biên chế công chức và quyết định biên chế sự nghiệp tỉnh Đồng Nai năm 2012

Qua thẩm tra, Ban Pháp chế xin có ý kiến như sau:

1. Về kết quả thực hiện biên chế năm 2011:

Thực hiện Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 27/7/2010 của HĐND tỉnh khóa VII về biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp tỉnh Đồng Nai năm 2011 và các quyết định của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2011. UBND tỉnh đã giao chỉ tiêu biên chế cho các cơ quan, đơn vị đúng với nội dung nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua, cụ thể như:

- **Về biên chế công chức:** UBND tỉnh đã giao 3.821 chỉ tiêu; các cơ quan, đơn vị đã thực hiện đến ngày 30/9/2011 là 3.617 chỉ tiêu; còn 204 chỉ tiêu đã giao nhưng chưa thực hiện.

- **Về biên chế sự nghiệp:** UBND tỉnh đã giao 43.684 chỉ tiêu (thấp hơn 37 chỉ tiêu so với kế hoạch biên chế sự nghiệp đã được HĐND tỉnh thông qua); các cơ quan, đơn vị đã thực hiện đến ngày 30/9/2011 là 41.594; còn 2.090 chỉ tiêu đã giao chưa thực hiện.

Như vậy, đến ngày 31/9/2011 toàn tỉnh còn 204 chỉ tiêu biên chế công chức và 2.090 chỉ tiêu biên chế sự nghiệp đã giao chưa thực hiện. So với những năm trước thì năm 2011 việc sử dụng biên chế của các cơ quan, đơn vị đã có nhiều tiến bộ, số biên chế đã giao chưa thực hiện thấp hơn so với những năm trước. Một số cơ quan, đơn vị đã sử dụng hết số biên chế đã giao, như: Sở Thông tin và truyền thông, Ban Tôn giáo, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, ...

Mặc dù trong năm 2011, các cơ quan, đơn vị đã có nhiều cố gắng thông tin tuyển chọn trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trường đại

học, cao đẳng ... nhưng số biên chế UBND tỉnh đã giao các cơ quan, đơn vị chưa thực hiện còn cao (2.330 chỉ tiêu), cụ thể như:

+ **Đối với biên chế sự nghiệp:** còn 2.090 chỉ tiêu đã giao chưa thực hiện, trong đó: sự nghiệp giáo dục, đào tạo còn 1.056 chỉ tiêu, Sự nghiệp Y tế còn 861 chỉ tiêu, Sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn 63 chỉ tiêu, Sự nghiệp khác còn 110 chỉ tiêu đã giao chưa thực hiện...

+ **Đối với biên chế công chức:** còn 204 chỉ tiêu đã giao nhưng chưa thực hiện, trong đó: các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh còn 105 chỉ tiêu; các cơ quan, tổ chức cấp huyện còn 99 chỉ tiêu đã giao chưa thực hiện...

Vì vậy, để đảm bảo cho các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ đã được giao, giảm áp lực biên chế giao của Bộ nội vụ và khả năng ngân sách của tỉnh. Ban Pháp chế đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban ngành phải có kế hoạch tuyển dụng đủ biên chế đã được giao.

2. Về kế hoạch biên chế năm 2012:

Ban Pháp chế thống nhất với nội dung kế hoạch biên chế năm 2012 mà UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, vì biên chế công chức năm 2012 chỉ tập trung xem xét tăng biên chế đối với những cơ quan, đơn vị có tăng thêm chức năng, nhiệm vụ hoặc thành lập tổ chức mới; Biên chế sự nghiệp tăng chủ yếu do tăng biên chế sự nghiệp giáo dục đào tạo và tăng biên chế sự nghiệp Y tế do tăng số lượng trường, lớp và tăng giường bệnh, cụ thể như:

a) Về biên chế công chức:

Tổng số biên chế công chức năm 2012 là 4.050 chỉ tiêu, tăng 229 chỉ tiêu so với năm 2011, trong đó:

+ Cấp tỉnh tăng 178 chỉ tiêu do thành lập Phòng Pháp chế của các sở, ngành theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ; Tách Phòng Nội chính và tiếp công dân thành Phòng Nội chính và Phòng tiếp công dân thuộc Văn Phòng UBND tỉnh; thành lập Phòng quản lý chăn nuôi thú y; thành lập Văn phòng Điều phối chương trình nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Tăng biên chế cho Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính và tăng biên chế cho các cơ quan Thanh tra nhằm tăng cường công tác thanh tra do thực hiện các quy định của pháp luật...

+ Cấp huyện tăng 51 chỉ tiêu cho các phòng: Tư pháp, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thanh tra...để thực hiện một số nhiệm vụ mới theo quy định của pháp luật.

b) Về biên chế sự nghiệp:

Tổng số biên chế sự nghiệp năm 2012 là 44.974 chỉ tiêu, tăng 1.290 chỉ tiêu so với năm 2011, trong đó:

+ Sự nghiệp giáo dục đào tạo tăng 460 chỉ tiêu so với năm 2011, chủ yếu tăng ở khối các trường thuộc UBND cấp huyện do tăng theo số lượng trường, lớp;

+ Sự nghiệp y tế tăng 486 chỉ tiêu, chủ yếu là tăng theo số lượng giường bệnh của các bệnh viện và áp dụng định mức mới ...

c) Về biên chế Hội:

Tổng số Biên chế Hội năm 2012 là 346 chỉ tiêu: thực hiện Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù, ngày 28/9/2011 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2464/QĐ-UBND công nhận 79 hội có tính chất đặc thù. Vì vậy, việc UBND tỉnh đề xuất HĐND tỉnh giao 346 chỉ tiêu để giao cho 13 Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh và 66 hội có tính chất đặc thù cấp huyện là phù hợp và đúng quy định tại Khoản 1, Điều 43, Nghị định 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ về “chính sách của Nhà nước đối với các hội có tính chất đặc thù”.

d) Về bố trí biên chế dự phòng:

Tổng số biên chế sự nghiệp dự phòng năm 2012 là 600 chỉ tiêu. Việc UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua biên chế sự nghiệp dự phòng 600 chỉ tiêu là phù hợp và cần thiết để UBND tỉnh chủ động, phân bổ kịp thời giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh cho các cơ quan, tổ chức được giao thêm nhiệm vụ hoặc thực hiện các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

3. Về quy trình và thẩm quyền quyết định:

Theo quy định tại Điều 66 của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2010) và Điều 16 Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức: căn cứ vào quyết định chỉ tiêu biên chế được Chính phủ giao, HĐND cấp tỉnh quyết định biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND, đơn vị sự nghiệp công lập của UBND các cấp. Do đó, theo các quy định này thì HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết không phải là “thông qua tổng biên chế công chức” như trước đây, mà là “quyết định tổng biên chế công chức” của tỉnh. Tuy nhiên, việc HĐND cấp tỉnh quyết định tổng biên chế công chức phải căn cứ vào quyết định giao biên chế của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (do Chính phủ ủy quyền) và chỉ trong giới hạn mức trần (mức tối đa) tổng biên chế công chức mà Chính phủ đã giao.

Tuy nhiên, cho đến nay Bộ trưởng Bộ Nội vụ vẫn chưa có quyết định giao chỉ tiêu biên chế hành chính năm 2012 cho tỉnh Đồng Nai, do vậy UBND tỉnh đã xây dựng dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh quyết định giao tổng biên chế hành chính trên cơ sở số biên chế hành chính mà Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ giao cho năm 2011 cộng với số biên chế theo nhu cầu tăng thêm (đang trình Chính phủ xem xét, quyết định).

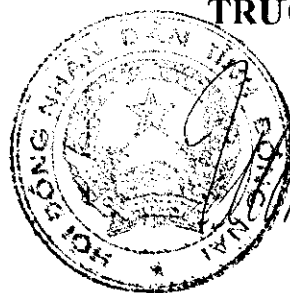
Qua thẩm tra dự thảo nghị quyết, Ban Pháp chế HĐND tỉnh thấy rằng, do chưa có quyết định giao chỉ tiêu biên chế năm 2012 cho tỉnh nên chưa có căn cứ để HĐND tỉnh ban hành nghị quyết quyết định giao biên chế hành chính theo đúng quy định của Luật Cán bộ, công chức và Nghị định số 21/2010/NĐ-CP. Tuy nhiên, nếu HĐND tỉnh không quyết định giao biên chế hành chính năm 2012 của tỉnh tại kỳ họp này thì đến đầu năm 2012 UBND tỉnh không có căn cứ để xác định tổng quỹ lương và thực hiện chi trả lương cho đội ngũ công chức hành chính.

Căn cứ quy định tại Điều 17, Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003 quy định trong lĩnh vực xây dựng chính quyền và quản lý địa giới hành chính, Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quyền hạn “Quyết định tổng biên chế sự nghiệp ở địa phương, thông qua biên chế hành chính của địa phương trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định”. Ban Pháp chế đề nghị các vị đại biểu HĐND tỉnh xem xét cho thông qua Nghị quyết về kế hoạch biên chế công chức và quyết định biên chế sự nghiệp tỉnh Đồng Nai năm 2012 tại kỳ họp này. Đồng thời giao cho UBND tỉnh căn cứ biên chế công chức của Bộ Nội vụ giao năm 2012 trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định giao chỉ tiêu biên chế cho các cơ quan, tổ chức hành chính trong tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho UBND tỉnh có căn cứ để xác định tổng quỹ lương và thực hiện chi trả lương cho đội ngũ công chức hành chính. Vì tổng số biên chế công chức năm 2012 tăng là do thực hiện các quy định của pháp luật và số lượng tăng không nhiều so với năm 2011 và phù hợp với kế hoạch biên chế công chức UBND tỉnh đã trình Bộ Nội vụ ngày 08/8/2011.

Đồng thời Ban pháp chế HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo, báo cáo cụ thể với HĐND tỉnh về nguyên nhân, số giáo viên bộ môn nào? trường nào? địa bàn nào? còn thiếu chưa tuyển để tồn 1.056 chỉ tiêu đã giao cho sự nghiệp giáo dục chưa thực hiện; số bác sĩ, Y sĩ, Y tá, dược sĩ, điều dưỡng... ở bệnh viện nào? địa phương nào? còn thiếu chưa tuyển để tồn 861 chỉ tiêu đã giao cho sự nghiệp Y tế chưa thực hiện. Đề đại biểu thảo luận, tìm giải pháp khắc phục và giám sát việc thực hiện trong thời gian tới.

Trên đây là nội dung báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh, kính trình quý vị đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 3 khóa VIII thảo luận, xem xét và quyết định.

**TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN**



Phạm Ngọc Tuấn